

XU HƯỚNG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU TIẾNG NHẬT CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT

LÊ HÀ PHƯƠNG*

Ngày nhận bài: 28/07/2017; ngày sửa chữa: 30/07/2017; ngày duyệt đăng: 08/08/2017.

Abstract: The demand of local human resource in Vietnam that can use Japanese language proficiently is increasing. In fact, majority of graduates from Japanese Studies Department of Language University yet have difficulties in putting the language knowledge into practice, especially the reading proficiency. That the university unsatisfactorily engaged in the improvement of instruction methods which develop the student's competencies is a worth-noting underlying reason. This paper presents the research trends of Japanese language teaching techniques and suggests solutions for reading comprehension improvement for students majoring in Japanese language.

Keywords: Reading competency, Japanese reading, research trend, student.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Nhật Bản ngày càng phát triển mạnh mẽ và sâu sắc trên nhiều lĩnh vực như ngoại thương, văn hóa, giáo dục... Bên cạnh việc mở rộng quy mô đào tạo tiếng Nhật, vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục tiếng Nhật cũng nhận được nhiều sự quan tâm của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu. Dạy học tiếng Nhật cũng như dạy học ngoại ngữ nói chung cần phát triển cho người học 4 kĩ năng gồm *nghe hiểu, nói, đọc hiểu* và *viết* trong quá trình đào tạo. Trong đó kĩ năng *đọc hiểu* được đánh giá là kĩ năng rất quan trọng đối với người học bởi chịu sự ảnh hưởng khá nhiều từ cách thức đọc hiểu bằng tiếng mẹ và qua đó con người mới có thể phát triển được năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ nói. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra trong những nghiên cứu liên quan đến dạy học đọc hiểu tiếng Nhật cho sinh viên (SV) đại học chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật thì có đến 70% SV trả lời gặp khó khăn trong việc học đọc hiểu tiếng Nhật. Ngoài ra, hơn 50% trong số đó đã đưa ra nhận xét về giờ học đọc hiểu rất thụ động và nhàm chán [1]. Nguyên nhân dẫn tới thực trạng trên có thể do cách thức dạy học của giảng viên (GV) vẫn mang nặng hình thức truyền đạt kiến thức một chiều cho SV hay nói cách khác là chưa tìm được các biện pháp hữu hiệu để dạy học nhằm phát triển năng lực đọc hiểu tiếng Nhật cho SV. Đặc biệt, trong bối cảnh dạy học theo tiếp cận năng lực, tri thức gắn liền với thực tiễn như hiện nay, các nghiên cứu về phát triển năng lực đọc hiểu tiếng Nhật vẫn còn hạn chế. Bản thân SV các trường đại học ngoại ngữ chuyên ngành tiếng Nhật sau khi tốt nghiệp cũng chưa thể đáp ứng ngay yêu cầu công việc do chưa vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế.

Để giúp SV đại học Ngành ngôn ngữ tiếng Nhật phát triển năng lực đọc hiểu thì cần phải nghiên cứu các xu hướng nghiên cứu dạy học đọc hiểu tiếng Nhật, từ đó đề xuất một số biện pháp dạy học hiệu quả.

2. Phát triển năng lực đọc hiểu tiếng Nhật

2.1. Năng lực và phát triển năng lực

Trong tiếng Anh, thuật ngữ "năng lực" được gọi bằng

nombre khác nhau như Competence, Ability, Capability, Efficiency, Potentiality, Aptitude,... với nhiều nghĩa khác nhau gắn với lĩnh vực, hoàn cảnh khác nhau. Tuy nhiên, thuật ngữ được sử dụng phổ biến nhất vẫn là Competence hoặc Competency. Khái niệm "năng lực" cho đến nay được biểu đạt dưới nhiều hình thức như sau:

- "Năng lực là những khả năng nhận thức và kĩ năng vốn có hoặc học được của cá thể nhằm giải quyết các vấn đề xác định, cũng như sự sẵn sàng về động cơ, ý chí, ý thức xã hội và khả năng vận dụng các cách giải quyết vấn đề trong những tình huống thay đổi một cách thành công và có trách nhiệm." (Weinert, 2001)

- "Năng lực là khả năng thực hiện thành công và có trách nhiệm và hiệu quả các nhiệm vụ, giải quyết các vấn đề trong các tình huống xác định cũng như các tình huống thay đổi trên cơ sở huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính tâm lí khác nhau như động cơ, ý chí, quan niệm, giá trị..., suy nghĩ thấu đáo và sự sẵn sàng hành động." (Bernd Meier & Nguyễn Văn Cường, 2014)

- "Năng lực là khả năng mà một người cụ thể làm được ở mức độ và chất lượng nhất định của một việc gì đó trong các hoạt động học tập và trong cuộc sống hàng ngày" (Nguyễn Đức Minh, 2015).

Như vậy, tựu chung lại, có thể hiểu năng lực là *sự kết hợp của kiến thức, kĩ năng, thái độ của một cá nhân hoặc một tổ chức để thực hiện một nhiệm vụ hay một công việc chuyên môn trong thực tiễn có hiệu quả*.

Thuật ngữ *phát triển năng lực* cũng được sử dụng khá nhiều trong những năm gần đây. Theo **Từ điển Tiếng Việt**, "phát triển" có nghĩa là quá trình vận động, tiến triển theo hướng tăng lên. Vì vậy, *phát triển năng lực là quá trình vận động theo hướng tăng lên về kiến thức, kĩ năng, thái độ của một cá nhân hay tổ chức nhằm để thực hiện một nhiệm vụ hay một công việc chuyên môn trong thực tiễn có hiệu quả hơn. Việc tăng lên này bao hàm cả hai yếu tố về số lượng và chất lượng*.

* Trường Đại học Hà Nội

2.2. Đọc hiểu và năng lực đọc hiểu

Các nhà khoa học đưa ra quan điểm khác nhau về Đọc. Theo Goodman (1971), “Đọc là một quá trình trong đó người đọc hay người sử dụng ngôn ngữ tổ chức lại, theo cách tốt nhất có thể, thông điệp mà tác giả đã mã hóa như là một màn hình hiển thị đồ họa”. Theo phân tích của Umemura (2003) “Đọc được xem là một trải nghiệm khi chúng ta gặp gỡ một đối tượng nào đó thông qua các con chữ; và dạy học đọc hiểu giống như việc GV cung cấp cho người học những ý niệm của bản thân khi tiếp cận với những cuốn sách hay”.

Thuật ngữ “Đọc hiểu” trong tiếng Anh được sử dụng có thể là reading literacy hoặc reading comprehension. Tuy nhiên, trong môi trường giảng dạy tiếng nước ngoài, khái niệm đọc hiểu thường được sử dụng là *Reading comprehension*. Theo cách hiểu chung nhất thì đó là *khả năng nắm bắt được thông tin từ văn bản một cách chính xác và hiệu quả*. Ba yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đọc thường được nhắc đến là: văn bản, kiến thức nền tảng của người đọc và các ngữ cảnh liên quan để hiểu văn bản. Cho đến nay, các ý kiến của các nhà khoa học không hoàn toàn đồng nhất trong khái niệm đọc hiểu, nhưng tất cả họ đều cho rằng Đọc hiểu là *hoạt động nhằm lí giải nội dung những ý đồ của người viết thông qua việc đọc văn bản được viết bằng văn tự. Bên cạnh đó trong đọc hiểu cũng cần chú trọng đến các yếu tố khác như tốc độ đọc, mức độ đọc hiểu và điều kiện, hoàn cảnh của hoạt động đọc hiểu*.

Đọc hiểu có chức năng phát triển ở người đọc khả năng vận dụng đọc vào giải quyết nhiệm vụ học tập và các vấn đề có trong cuộc sống nên đọc hiểu không chỉ đơn giản là một kĩ năng mà còn là năng lực hay gọi cách khác đó là năng lực đọc hiểu [2]. Nếu như coi năng lực ngôn ngữ là năng lực chung (Language Competence) thì năng lực đọc hiểu được coi là năng lực hành động (Reading competency). Vì vậy, có thể hiểu *năng lực đọc hiểu là sự vận dụng kết hợp kiến thức ngôn ngữ, kĩ năng ngôn ngữ và thái độ của người đọc để giải mã thông tin được viết bằng ngôn ngữ tiếng nước ngoài, tiếp nhận kiến thức, tư duy ngôn ngữ, lí giải ngụ ý của tác giả thông qua văn bản đọc hiểu*.

2.3. Một số xu hướng nghiên cứu phát triển năng lực đọc hiểu tiếng Nhật

2.3.1. Xu hướng nghiên cứu đọc hiểu tiếng Nhật dựa vào kiến thức nền và cấu trúc văn bản. Các nghiên cứu về đọc hiểu tiếng Nhật đáng chú ý nhất bắt đầu từ cuối những năm 80 đầu năm 90 trong bối cảnh tiếp nhận học thuyết Schema [3] với nghiên cứu của Ozaki (1989) liên quan đến “kiến thức nền”. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, *nếu người đọc không có kiến thức nền liên quan đến chủ đề bài đọc hiểu thì sẽ gặp khó khăn trong quá trình lí giải bài đọc đó*. Tanaka (1991) đã chứng minh được đọc hiểu trong ngôn ngữ thứ hai *chịu ảnh hưởng của kiến thức nền nhiều hơn khả năng ngữ pháp, nhưng để đạt được năng lực đọc hiểu khi lí giải văn bản đọc ở một mức độ nào đó thì cần thiết phải đạt được các yêu cầu về kiến thức ngữ pháp nhất định*. Sugiyama và nhóm nghiên cứu (1997) phân tích

quá trình đọc hiểu dựa vào *cách dự đoán nội dung văn bản*; Watanabe (1998) nghiên cứu *khả năng đọc hiểu thông qua văn bản truyện cổ tích*.

Mặt khác, xu hướng nghiên cứu đọc hiểu dựa vào văn bản đọc [3] thì Tateoka (1996a) và Kikuchi (1997) lại tập trung phân tích mối quan hệ giữa cách lí giải của người đọc với kiến thức về cấu trúc văn bản bài đọc và đã chỉ ra rằng, đối với người đọc (SV) trong quá trình đọc văn bản có xuất hiện cả các cấu trúc đoạn văn dễ hiểu và các cấu trúc đoạn văn khó lí giải, tuy nhiên sự khó khăn khi đọc văn bản ở đây chính là *xuất phát từ cấu trúc văn bản khác nhau trong hai ngôn ngữ*.

Có thể nói, xu hướng này tập trung chủ yếu đến yếu tố đầu vào (input, tư liệu giảng dạy) vào hay nói cách khác là *tập trung nghiên cứu thông qua các ví dụ thực tiễn mang tính kinh nghiệm*. Vì vậy, cách đánh giá đọc hiểu trong giai đoạn này cũng tập trung nhiều về đánh giá kiến thức xoay quanh nội dung học tập.

2.3.2. Xu hướng nghiên cứu đọc hiểu tiếng Nhật dựa vào chiến lược đọc hiểu. Đến nửa cuối những năm 90, các nghiên cứu về đọc hiểu lại dành nhiều sự quan tâm tới *chiến lược đọc hiểu tiếng Nhật* [3]. Nổi bật là nghiên cứu của Minaminosono (1997) đã tìm hiểu mối quan hệ giữa việc sử dụng các chiến lược đọc hiểu với năng lực đọc hiểu bằng cách đưa ra 26 chiến lược đọc hiểu tiếng Nhật và tiến hành phát phiếu câu hỏi điều tra đối với đối tượng SV nước ngoài có trình độ tiếng Nhật trung cấp và cao cấp. Kết quả thu được, đối với những SV có năng lực đọc hiểu càng cao thì mức độ sử dụng chiến lược đọc hiểu theo kiểu Bottom up lại càng thấp. Còn Tateoka (2001a) đã chỉ ra rằng, trong quá trình SV tự đưa ra câu hỏi cho bản thân khi suy nghĩ cách thức giải quyết vấn đề thì những SV có năng lực đọc hiểu tốt thường dùng cách tổng hợp thông tin mang tính “toàn cục, toàn diện” mà mình lấy được trong văn bản để tiến hành quá trình đọc của mình.

Ito (1991) đã tiến hành nghiên cứu chiến lược đọc hiểu của đối tượng người nước ngoài học tiếng Nhật trong giai đoạn chuyển từ trình độ trung cấp sang cao cấp. Kết quả của nghiên cứu này đó là việc sử dụng các chiến lược phù hợp là yếu tố độc lập trong việc ghi nhận sự khác biệt giữa các cá nhân, hơn nữa còn hỗ trợ rất nhiều cho GV trong quá trình dạy tiếng Nhật cũng như nâng cao hiệu quả học tiếng Nhật của SV. Bên cạnh đó phải kể đến nghiên cứu về chiến lược tóm tắt nội dung bài đọc của Yamada (1996) và Tateoka (1996b, 1998) trong việc phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc đoạn văn trong văn bản đọc hiểu với cấu trúc đoạn văn trong đoạn văn tóm tắt [3].

Xu hướng nghiên cứu trong giai đoạn này đánh dấu một sự thay đổi quan niệm nghiên cứu về đọc hiểu tiếng Nhật, chú ý nhiều đến yếu tố đầu ra (input, tư liệu giảng dạy) hay nói cách khác là *nghiên cứu dạy học đọc hiểu dựa trên điều tra và dạy thử nghiệm*. Việc kiểm tra đánh giá đọc hiểu trong giai đoạn cũng bắt đầu có sự quan tâm đến kĩ năng, thao tác chiến lược đọc hiểu chứ không đơn thuần là nội dung kiến thức như giai đoạn trước.

2.3.3. Xu hướng nghiên cứu phát triển năng lực tự học đọc hiểu. Nếu các xu hướng nghiên cứu trước đây thường tập trung vào vấn đề sử dụng yếu tố đầu vào như thế nào để đầu ra đạt kết quả tốt; thì các nghiên cứu hiện tại lại quan tâm nhiều đến *quá trình giữa input và output*, hay nói cách khác là *quá trình người học làm như thế nào để lí giải văn bản đọc hiểu*. Chính vì vậy, xu hướng nghiên cứu đọc hiểu từ giai đoạn này tiếp tục có một sự thay đổi mạnh mẽ, tập trung nhiều vào việc đổi mới hình thức dạy học và chú trọng đến việc hình thành năng lực đọc hiểu tiếng Nhật cho người học.

Chúng ta cũng biết rằng đọc hiểu vốn là hoạt động của một cá nhân khi tiến hành đọc một văn bản kiểu viết và thông qua quá trình tương tác lí giải nội dung của văn bản người đọc sẽ rút ra được ý nghĩa cũng như hiểu được nội dung của văn bản. Trong quá trình đọc văn bản đó, về phía người ngoài (người đối diện) không thể biết được người đọc đang suy nghĩ gì hay cảm thấy như thế nào trong đầu, và như thế đọc hiểu trở thành một kĩ năng thu nhận kiến thức và không thể trực tiếp thể hiện sự lí giải nội dung văn bản ra bên ngoài được. Năng lực đọc hiểu vì thế cũng rất khó để nhận biết và đánh giá nếu như không có các phương pháp phân tích chuyên biệt dành riêng cho nghiên cứu về đọc hiểu.

Để giải quyết được vấn đề này, một số các phương pháp dạy học đọc hiểu tiếng Nhật mới đã được đề xuất và đưa vào áp dụng giảng dạy. Nổi bật như các nghiên cứu về Peer Reading (đọc hợp tác); Extensive Reading (đọc mở rộng) hay Critical Reading (đọc phản biện). Các nhà nghiên cứu đã nhận định rằng “Đọc phản biện không chỉ đơn thuần là phê phán mà là thay đổi cách đọc văn bản từ những điều chúng ta cho là hiển nhiên thành một cách đọc khác”. Đồng thời chỉ ra ba yếu tố cần thiết để rèn luyện kĩ năng đọc phản biện là nắm được tổng thể chung của văn bản; hiểu chính xác nội dung văn bản và vượt qua được rào cản khó khăn trong quá trình lí giải văn bản [5]. Ngoài ra, việc đọc mở rộng hay đọc hợp tác đã hỗ trợ cho quá trình đọc của SV rất nhiều như cải thiện không khí học tập, nâng cao năng lực đọc hiểu, mang lại cơ hội nhìn nhận lại bản thân và từ đó hình thành năng lực tự học đọc hiểu.

Trong giai đoạn này, các nghiên cứu cũng bước đầu quan tâm đến đánh giá năng lực đọc hiểu mới, đó là không sử dụng bài thi giữa kì hay cuối kì mà sử dụng phiếu đo mức độ hoàn thành công việc trong quá trình học tập của SV để đưa ra nhận xét, đánh giá bao quát hơn.

Như vậy, xu hướng nghiên cứu dạy học đọc hiểu cũng có sự thay đổi qua từng giai đoạn nên việc vận dụng lí luận dạy học đọc hiểu tiếng Nhật trong thực tế cũng có những điều chỉnh nhất định. Các xu hướng nghiên cứu mới ra đời không phải để thay thế hoàn toàn cho xu hướng cũ mà luôn có tính kế thừa và phát triển trên nền của cái cũ. Các xu hướng nghiên cứu đều cần thiết, đặc biệt là việc sử dụng kiến thức theo xu hướng thứ nhất; sử dụng phương pháp của xu hướng thứ hai và vận dụng vào các bối cảnh thực tế theo xu hướng thứ ba.

3. Đề xuất một số biện pháp dạy học nhằm phát triển năng lực đọc hiểu tiếng Nhật cho SV đại học ngoại ngữ chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật

Trên cơ sở phân tích các xu hướng nghiên cứu đọc hiểu tiếng Nhật, việc định hướng nội dung và hình thức dạy học đọc hiểu phù hợp với sự phát triển chung của toàn cầu, đặc biệt là phát triển được năng lực đọc hiểu tiếng Nhật nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay là điều rất cần thiết. Theo xu hướng hiện nay, để phát triển năng lực đọc hiểu tiếng Nhật, các trường nên tổ chức dạy học tích cực theo hướng tăng cường hoạt động hợp tác và rèn luyện tư duy đọc phản biện cho SV. Để làm được điều này, trước hết mỗi giáo viên phải nhận thức được vai trò của bản thân. Giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn cho SV trong tổ chức các hoạt động hợp tác, giám sát quá trình thảo luận trong giờ học; điều phối và tạo điều kiện cho SV phát huy tối đa khả năng của bản thân. Thứ hai, giáo viên cần nắm rõ các biểu hiện của năng lực đọc hiểu và dựa trên các xu hướng dạy học đọc hiểu tiếng Nhật, từ đó tìm ra các biện pháp thích hợp nhằm rèn luyện và phát triển năng lực đọc hiểu cho SV. Cụ thể, giáo viên có thể thực hiện một số biện pháp cơ bản sau:

Biện pháp 1: Thực hiện dạy học hợp tác. Năng lực hợp tác được xem là một trong những năng lực quan trọng của con người trong xã hội hiện nay, chính vì vậy, phát triển năng lực hợp tác từ trong trường học đã trở thành một xu thế giáo dục trên thế giới. Dạy học hợp tác phản ánh thực tiễn của xu thế đó, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Môi trường học tập của SV đại học ngoại ngữ thường chia thành các lớp nhỏ khi học kĩ năng nên GV có thể áp dụng các phương pháp như thảo luận nhóm (Peer Reading); seminar; dạy học theo dự án... vào giờ học đọc hiểu tiếng Nhật. Điều quan trọng nhất khi áp dụng hình thức dạy học này đó là vai trò của giáo viên. Không chỉ vững vàng về năng lực chuyên môn mà GV còn phải có năng lực tổ chức lớp học, đặc biệt là công việc điều phối các thành viên trong nhóm sao cho việc thảo luận đạt hiệu quả cao nhất.

Biện pháp 2: Xây dựng hệ thống bài đọc hiểu tiếng Nhật phù hợp với trình độ của SV. Tìm kiếm và lựa chọn các văn bản đọc hiểu tiếng Nhật phù hợp với trình độ của SV và hướng dẫn SV khai thác nội dung đọc hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau là một trong những biện pháp dạy học cần được quan tâm. Biện pháp này hướng SV đến kĩ năng đọc mở rộng (Extensive Reading) hay nói cách khác là tạo thói quen đọc cho SV chứ không đơn thuần là mục đích “đọc để học tiếng Nhật”. Hơn nữa, càng học lên cao, SV sẽ có nhu cầu đọc những văn bản bên ngoài để tìm kiếm các thông tin phục vụ cho quá trình học cũng như cho các lĩnh vực khác trong cuộc sống.

Biện pháp 3: Biên soạn tài liệu hướng dẫn học đọc hiểu tiếng Nhật dành cho đối tượng SV Việt Nam học tiếng Nhật. Hiện nay, các tài liệu phục vụ cho người VN học tiếng Nhật để tham dự kì thi Năng lực tiếng Nhật chủ yếu cho phía Nhật Bản biên soạn và phát hành. Các tài liệu này chủ yếu hướng dẫn SV những kĩ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu của đề thi năng lực. Tuy nhiên, việc học đọc hiểu đối với SV cần cả một quá trình rèn luyện và vận dụng vào thực tế.

Chính vì vậy, việc biên soạn các tài liệu hướng dẫn cho SV VN cách học đọc hiểu tiếng Nhật, cung cấp hệ thống lí luận của đọc hiểu và các nghiên cứu liên quan đến đọc hiểu tiếng Nhật sẽ giúp ích rất nhiều cho SV trong quá trình học tập và vận dụng kiến thức đã học trong công việc sau khi tốt nghiệp.

Biện pháp 4: Công khai các chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu tiếng Nhật. Hiện nay tại VN, để đánh giá năng lực tiếng Nhật nói chung và năng lực đọc hiểu tiếng Nhật nói riêng người ta thường áp dụng Khung năng lực JF Standard hoặc lấy mức tương đương với Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Tuy nhiên, nếu không đào tạo SV theo nội dung nhằm phát triển năng lực, mà áp dụng cách đánh giá năng lực như trên thì không phù hợp. Chính vì vậy, đánh giá năng lực đọc hiểu tiếng Nhật cần có hệ thống đánh giá cả quá trình dạy học kết hợp đánh giá đầu vào và đánh giá đầu ra của SV.

Biện pháp 5: Xây dựng môi trường học tập đọc hiểu tiếng Nhật tạo hứng thú cho SV. Hoạt động đọc hiểu vốn là hoạt động tiếp nhận kiến thức nên việc thiết kế giờ học đọc hiểu trên lớp đòi hỏi sự tích hợp của nhiều kĩ năng khác nhau. GV nên trang bị cho SV kiến thức về cách thức làm việc theo nhóm trong quá trình đọc hiểu văn bản. Trên cơ sở đó khuyến khích SV tự đề xuất ý tưởng và đưa ra các biện luận để giải quyết các vấn đề liên quan đến văn bản đọc hiểu.

3. Kết luận

Phân tích một số xu hướng nghiên cứu dạy học đọc hiểu tiếng Nhật qua các giai đoạn để thấy được sự thay đổi trong các quan điểm nghiên cứu từ việc tập trung nghiên cứu thông qua các ví dụ thực tiễn mang tính kinh nghiệm sang nghiên cứu dạy học đọc hiểu dựa trên điều tra và dạy thử nghiệm. Nói cách khác, nghiên cứu trước đây thường tập trung vào vấn đề sử dụng yếu tố đầu vào như thế nào để đầu ra đạt kết quả tốt; thì các nghiên cứu hiện tại lại quan tâm nhiều quá trình đọc hiểu. Điều này cho thấy việc rèn luyện và phát triển năng lực đọc hiểu tiếng Nhật cho SV trong giai đoạn hiện nay là cần thiết. Dựa trên cơ sở này, bài viết đề xuất một số biện pháp dạy học nhằm phát triển năng lực đọc hiểu tiếng Nhật, đó là: Thực hiện dạy học hợp tác tích cực; Xây dựng hệ thống bài đọc hiểu tiếng Nhật phù hợp với trình độ của SV; Biên soạn tài liệu hướng dẫn học đọc hiểu tiếng Nhật dành cho đối tượng SV VN học tiếng Nhật; Công khai các chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu tiếng Nhật; Xây dựng môi trường học tập đọc hiểu tiếng Nhật tạo hứng thú cho SV. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Hà Phương (2013). *ピア・リーディング効果の検討ーベトナム人学習者の中級への移行段階における読解授業の改善を目指してー*. 第二回国際シンポジウムベトナムにおける日本語教育・日本研究ー過去・現在・未来. ハノイ大学, 124-129.
- [2] Nguyễn Thị Hạnh (2014). *Xây dựng chuẩn năng lực đọc hiểu cho môn ngữ văn của chương trình giáo dục phổ thông sau 2015 ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, số 56, trang 88-97.

- [3] Tateoka Yoko (2005). *ひとりで読むことからピア・リーディングへー日本語学習者の読解過程と対話的協働学習*. 東海大学出版会.
- [4] Ode Atsushi (2015). *アカデミック・スキルズ クリティカル・リーディング入門 人文系のための読書レッスン*. 慶應義塾大学教養研究センター (監修). 慶應義塾大学出版会.
- [5] Bernd Meier & Nguyễn Văn Cường (2014). *Lí luận dạy học hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Goodman, K. (1971). Psycholinguistic universals in the reading process. In P. Pimsleur and T. Quinn (Ed.). *Psychology of Second Language Learning*. Cambridge: CUP.
- [7] Nguyễn Đức Minh (chủ biên, 2015). *Hướng dẫn đánh giá năng lực của học sinh cuối cấp tiểu học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [8] Umemura Osamu (2003). *日本語教育における読解指導 - Extensive Reading の試み*. 留学生教育学会編委員会. ISSN1345 - 2398, 173-182.
- [9] Weinert, Franz E. (2001) Competencies and Key Competencies: *Educational Perspective*. In: Smelser, Neil J./Baltes, Paul B. (Eds.): *International Encyclopedia of the Social and Behavioral Sciences*. Vol. 4. Amsterdam u. a.: Elsevier, S. 2433-2436.

Thực trạng huy động nguồn lực...

(Tiếp theo trang bìa 3)

động. Chú trọng chất lượng, hiệu quả trong công tác giảng dạy và học tập; từng bước quan tâm và nâng cao kĩ năng sống cho HS; quan tâm giáo dục toàn diện cho HS nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường kiểm tra, giám sát, theo dõi việc quản lí và sử dụng CSVC và các trang thiết bị, các nguồn vận động đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả cao, đúng quy định nhà nước. Tuyên dương, khen thưởng kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích tốt trong thực hiện XHH công tác giáo dục và quản lí XHH công tác giáo dục, đồng thời nhân rộng mô hình có hiệu quả. □

Tài liệu tham khảo

- [1] *Báo cáo tổng kết năm học 2013-2014, 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017 của Ủy ban nhân dân TP. Sơn La*.
- [2] UBND tỉnh Sơn La (2008). *Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 10/3/2008 của UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Sơn La giai đoạn 2008-2020*.
- [3] Chính phủ (2011). *Chiến lược phát triển Giáo dục Việt Nam, giai đoạn 2011-2020*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Nguyễn Công Giáp (2001). *Khảo sát thực trạng xã hội hóa giáo dục ở nước ta trong thời gian qua*. Đề tài nghiên cứu của Viện Nghiên cứu phát triển giáo dục.
- [5] Phạm Minh Hạc (1997). *Xã hội hoá công tác giáo dục*. NXB Giáo dục.